

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/KDTM-PT
Ngày: 18/3/2025
V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán
hàng hóa”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ái Đoan

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyết Linh
Ông Trần Văn Đạt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Thúc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 và ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 61/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH D2 - IFSS.

Địa chỉ: Số B N, Phường Đ, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Dương Xuân D, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Dương Xuân V: Công ty L.

Địa chỉ: A, N, phường V, Quận C, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Hồng H. Chức vụ: Giám đốc.

Ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thành Duy V1, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: A, N, phường V, Quận C, TP ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH D2 - IFSS: Luật sư: Ngô Vũ Văn H1 – Công ty L – Đoàn Luật sư thành phố H.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH W.

Địa chỉ: Lô B, 25A, 29A, 30 Khu công nghiệp L, xã T, Huyện T, Tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông TSAI TSAO SHAO CHUNG, chức vụ: Chủ tịch Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của ông TSAI TSAO SHAO CHUNG: Ông CHEN HAN HUA, chức vụ Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Lô B, 25A, 29A, 30 Khu công nghiệp L, xã T, Huyện T, Tỉnh Tiền Giang.

Ủy quyền lại: Ông Nîm Chí T, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ D, khu A, ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Lê Thị T1, chức vụ: Nhân viên thu mua của Công ty TNHH W (Có mặt)

Địa chỉ: Lô B, 25A, 29A, 30 Khu công nghiệp L, xã T, huyện T, Tỉnh Tiền Giang.

2/ Bà Nguyễn Thu T2, chức vụ Nhân viên bán hàng của Công ty TNHH D2 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã C, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người làm chứng:*

1/ Công ty Trách nhiệm hữu hạn G (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

2/ Công ty Trách nhiệm hữu hạn G1 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo: ông Nguyễn Thành D1 V1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH D2 - IFSS và bị đơn Công ty TNHH W.*

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH D2 - IFSS - Luật sư Ngô Vũ Vân H1 trình bày:

Ngày 20/6/2022, Công ty TNHH D2 và Công ty TNHH W có ký Hợp đồng số 01/HĐMB/WW-IFSS (“sau đây gọi là “Hợp đồng 01”) về việc Công ty TNHH W sẽ mua gạo Nhật của Công ty TNHH D2 - IFSS, số lượng gạo mua bán và thời gian giao hàng được thống nhất tại từng đơn đặt hàng mà Công ty TNHH W gửi Công ty TNHH D2 - IFSS.

Căn cứ theo Hợp đồng, Công ty TNHH D2 - IFSS đã nhận được lần lượt 02 đơn đặt hàng gạo Japonica của Công ty TNHH W. Cụ thể:

- Đơn đặt hàng số NL20220905-01 có ngày phát hành 26/09/2022 (sau đây gọi là “Đơn đặt hàng 01”).

- + Số lượng: 100 tấn.

- + Thời gian giao hàng như sau: Ngày 23/11/2022 giao 20 tấn, ngày 01/12/2022 giao 20 tấn, ngày 08/12/2022 giao 20 tấn, ngày 14/12/2022 giao 20 tấn, ngày 18/12/2022 giao 20 tấn.

- + Đơn giá: 13.950 đồng/kg.

- + Tổng giá trị đơn hàng: 1.395.000.000 đồng.

- Đơn đặt hàng số NL20220905-01 có ngày phát hành 27/10/2022 (sau đây gọi là “Đơn đặt hàng 02”).

- + Số lượng: 100 tấn.

- + Thời gian giao hàng như sau: ngày 10/01/2023 giao 20 tấn, ngày 17/01/2023 giao 20 tấn, ngày 08/02/2023 giao 20 tấn, ngày 15/02/2023 giao 20 tấn, ngày 22/02/2023 giao 20 tấn.

- + Đơn giá: 15.735 đồng/kg.

- + Tổng giá trị đơn hàng: 1.573.500.000 đồng.

Về quá trình giao hàng:

Thực hiện theo đúng thỏa thuận giữa hai bên, Công ty TNHH D2 - IFSS giao hàng cho Công ty TNHH W. Cụ thể:

- + Đối với đơn đặt hàng 01:

Ngày 11/11/2022: giao 20 tấn. Sau kiểm tra, Công ty TNHH W đồng ý nhận gạo và đã thanh toán.

Ngày 28/11/2022: giao 20 tấn. Sau kiểm tra, Công ty TNHH W không đồng ý nhận gạo vì lý do gạo không đảm bảo chất lượng.

Sau khi bị trả hàng, Công ty TNHH D2 - IFSS đã nghiên cứu cẩn thận thị trường, nhận thấy chất lượng gạo trên thị trường thời điểm này chỉ có thể tương đương với gạo đã giao ngày 28/11/2022 nhưng giá gạo ngày càng cao, Công ty TNHH D2 đã chủ động đề nghị và cùng Công ty TNHH W đã nhiều lần trao đổi để xem xét vấn đề Công ty TNHH D2 - IFSS không thể đáp ứng đủ chất lượng mà Công ty TNHH W đã đề nghị.

Công ty TNHH D2 - IFSS chấp nhận việc mình phải vi phạm thỏa thuận đối với Đơn đặt hàng 01 và đồng ý chịu phạt theo thỏa thuận của Hợp đồng. Nội dung này Công ty TNHH D2 đã thông báo cho Công ty TNHH W, đồng nhân sự của hai bên cũng đã trao đổi rất nhiều lần.

Vì không hoàn thành được Đơn đặt hàng 01, Công ty TNHH D2 đã thúc đẩy thực hiện các công việc sau trước khi tiến hành giao gạo theo Đơn đặt hàng 02:

+ Ngày 21/12/2022, Công ty TNHH D2 - IFSS có gửi tặng cho Công ty TNHH W 200kg gạo Japonica đang thu mua trên thị trường để Công ty TNHH W kiểm tra chất lượng.

+ Đồng thời trong thời gian này, ngày 27/12/2022, Công ty TNHH D2 - IFSS đã chính thức có công văn số A01-2022/CV-IFSS về việc ngừng cung cấp Gạo Nhật Quý 4.2022 và điều chỉnh chất lượng Gạo Nhật tháng 01.2023. Tại đây, Công ty TNHH D2 tiếp tục đề xuất:

Bồi thường theo hợp đồng cho số lượng gạo 80 tấn chưa giao của Đơn đặt hàng 01 hoặc tìm giải pháp phù hợp để có thể giao trong tương lai.

Đề nghị Công ty TNHH W có phản hồi về chất lượng của 200 kg gạo đã gửi ngày 21/12/2022 và 5 tấn gạo tiếp theo ngày 31/12/2022 để Công ty TNHH D2 - IFSS chuẩn bị 100 tấn loại gạo này để giao cho Đơn đặt hàng 02.

Ngày 31/12/2022, Công ty TNHH D2 - IFSS giao 5 tấn, cùng ngày đã lập và gửi hoá đơn cho Công ty TNHH W. Giá bán 5 tấn này được áp dụng theo giá của Đơn đặt hàng 01 (13.750 đồng/kg).

Đối với Đơn đặt hàng 02:

Sau nhiều lần trao đổi Công ty TNHH D2 - IFSS đề nghị và Công ty TNHH W đã thống nhất nhận 100 tấn cho Đơn đặt hàng 02 với giá đã giảm là 15.700 đồng.

Ngày 17/01/2023, Công ty TNHH D2 - IFSS tiến hành giao 100 tấn gạo cho Công ty TNHH W. Thực tế cân lại thì khối lượng gạo giao bị thiếu, khối lượng gạo thực tế giao là 99.950kg gạo.

Tổng số tiền mà Công ty TNHH W phải thanh toán cho Công ty TNHH D2 - IFSS là: $(99.950\text{kg} \times 15.700\text{đồng/kg}) + (5.000\text{kg} \times 13.950\text{đồng/kg}) = 1.638.965.000$ đồng.

Ngày 18/01/2023, Công ty TNHH D2 - IFSS lập và gửi hoá đơn cho Công ty TNHH W.

Sau khi giao hàng và gửi hoá đơn giá trị gia tăng, Công ty TNHH D2 đã nhiều lần đề nghị nhưng Công ty TNHH W không thanh toán.

Ngày 27/4/2023 Công ty TNHH W đã thanh toán cho Công ty TNHH D2 - IFSS số tiền: 1.410.715.000 đồng.

Như vậy, căn cứ theo Hợp đồng mua bán gạo đã ký kết, tính đến ngày 04/7/2024, số tiền mà Công ty TNHH W còn nợ Công ty TNHH D2 - IFSS gồm:

- Tiền gốc thanh toán thiếu tính đến ngày 27/4/2023:

1.638.950.000 đồng - 1.410.715.000 đồng = 228.250.000 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán như sau:

+ Tiền lãi chậm thanh toán đối với 5.000kg gạo giao ngày 31/12/2022:
(tính đến ngày 27/4/2023)

$69.750.000 \text{ đồng} \times 87 \text{ ngày} \times 0,05\% = 3.034.125 \text{ đồng}.$

+ Tiền lãi chậm thanh toán đối với 99.950kg gạo giao ngày 17/01/2023:
(tính đến ngày 27/4/2023)

$1.569.215.000 \text{ đồng} \times 70 \text{ ngày} \times 0.05\% = 54.922.525 \text{ đồng}.$

+ Tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền nợ gốc 228.250.000 đồng: (tạm tính đến ngày 05/8/2024)

$228.250.000 \text{ đồng} \times 466 \text{ ngày} \times 0.05\% = 53.182.250 \text{ đồng}.$

Vì vậy, tổng số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán mà Công ty TNHH W phải trả cho Công ty TNHH D2 - IFSS là: 3.034.125 đồng + 54.922.525 đồng + 53.182.250 đồng = 111.138.900 đồng.

Nay Công ty TNHH D2 - IFSS yêu cầu Công ty TNHH W phải trả tổng số tiền: là 339.388.900 đồng. Trong đó, tiền hàng chưa thanh toán là 228.250.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 111.138.900 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty TNHH W thì Công ty TNHH D2 - IFSS có ý kiến như sau:

Công ty TNHH D2 - IFSS không đồng ý bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH W. Công ty TNHH D2 chỉ đồng ý trả cho Công ty TNHH W số tiền phạt vi phạm hợp đồng với số tiền như sau:

$(75.000\text{kg} \times 13.950\text{đồng/kg} \times 8\%) + (50\text{kg} \times 15.700\text{đồng/kg} \times 8\%) = 83.762.800 \text{ đồng}.$

Ông Nguyễn Thành D1 V1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH D2 - IFSS trình bày: Ông Nguyễn Thành Duy V1 thống nhất theo lời trình bày của luật sư Ngô Vũ Văn H1.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH W là ông Nìm Chí T trình bày:

Ngày 20/6/2022, Công ty TNHH W và Công ty TNHH D2 - IFSS có ký hợp đồng mua bán hàng hoá số 01/HĐMB/WW-IFSS về việc mua bán gạo. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 20/6/2022 đến ngày 31/12/2022.

Trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng, Công ty TNHH W có đặt hai đơn hàng để mua gạo của Công ty TNHH D2 - IFSS, cụ thể như sau:

Đơn đặt hàng số NL20220905-01 có ngày phát hành 26/09/2022 (sau đây gọi là “Đơn đặt hàng 01”).

+ Số lượng: 100 tấn.

+ Thời gian giao hàng như sau: Ngày 23/11/2022 giao 20 tấn, ngày 01/12/2022 giao 20 tấn, ngày 08/12/2022 giao 20 tấn, ngày 14/12/2022 giao 20 tấn, ngày 18/12/2022 giao 20 tấn.

+ Đơn giá: 13.950 đồng/kg.

+ Tổng giá trị đơn hàng: 1.395.000.000 đồng.

Đơn đặt hàng số NL20220905-01 có ngày phát hành 27/10/2022 (sau đây gọi là “Đơn đặt hàng 02”).

+ Số lượng: 100 tấn.

+ Thời gian giao hàng như sau: ngày 10/01/2023 giao 20 tấn, ngày 17/01/2023 giao 20 tấn, ngày 08/02/2023 giao 20 tấn, ngày 15/02/2023 giao 20 tấn, ngày 22/02/2023 giao 20 tấn.

+ Đơn giá: 15.735 đồng/kg.

+ Tổng giá trị đơn hàng: 1.573.500.000 đồng.

Sau khi Công ty TNHH D2 - IFSS xác nhận hai đơn hàng trên, tiến độ giao hàng của Công ty TNHH D2 - IFSS, cụ thể như sau:

1. Đơn hàng 1:

- Ngày 10/11/2022 giao 20.000kg.

- Ngày 31/12/2022 giao 5.000kg.

- Ngày 17/01/2023 giao 75.000kg.

Thành tiền: $100.000\text{kg} \times 13.950\text{đồng/kg} = 1.392.200.000$ đồng.

2/ Đơn hàng 2:

- Ngày 17/01/2023 giao 24.950 kg.

- Thành tiền: $24.950\text{kg} \times 15.700\text{ đồng/kg} = 391.715.000$ đồng.

Trên thực tế Công ty TNHH D2 - IFSS chỉ mới hoàn tất việc giao hàng của Đơn hàng 01. Tuy nhiên, thời gian giao hàng bị chậm trễ hơn rất nhiều so với thời gian giao hàng đã được quy định trong Đơn đặt hàng.

Đối với Đơn hàng 02, Công ty TNHH D2 - IFSS chỉ mới giao được 24.950 kg, còn thiếu 75.050 kg so với số lượng đã thoả thuận trong Đơn đặt hàng.

Căn cứ Đơn đặt hàng và thực tế giao hàng của Công ty TNHH D2 - IFSS, tính đến thời điểm này, Công ty TNHH W đã thanh toán đầy đủ tất cả công nợ theo Hợp đồng mua bán, đơn đặt hàng đã ký với Công ty TNHH D2 - IFSS, với tổng số tiền là 1.689.715.000 đồng, trong đó bao gồm:

+ Thanh toán 1.392.200.000 đồng cho Đơn hàng 01.

+ Thanh toán 297.515.000 đồng cho Đơn hàng 02.

Trên thực tế, Công ty TNHH D2 - IFSS đã giao số lượng gạo là 24.950 kg, tương ứng với giá trị là 391.715.000 đồng. Tuy nhiên, do Công ty TNHH D2

- IFSS đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng, nên Công ty TNHH W đã áp dụng Mục 11.2 của Hợp đồng mua bán hàng hoá số 01/HĐMB/WW-IFSS để phạt Công ty TNHH D2 - IFSS số tiền là: $75.000 \text{ kg} \times 15.700 \text{ kg/đồng} \times 8\% = 94.200.000$ đồng. Vì vậy, số tiền thực tế thanh toán cho Đơn hàng 02 của Công ty TNHH D2 - IFSS sau khi trừ đi khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng là 297.515.000 đồng.

Như vậy, Công ty TNHH W đã thanh toán đầy đủ công nợ cho Công ty TNHH D2 - IFSS theo hợp đồng mua bán, đơn đặt hàng đã ký. Do đó, Công ty TNHH W không còn bất kỳ công nợ nào phải thanh toán. Về phía Công ty TNHH D2 - IFSS, theo đơn đặt hàng, Công ty TNHH D2 có nghĩa vụ giao hàng cho Công ty TNHH W theo thời gian giao hàng đã thỏa thuận. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH D2 - IFSS vẫn còn 75.050 kg của Đơn hàng 02 chưa giao cho Công ty TNHH W.

Vì vậy Công ty TNHH W không đồng ý theo yêu cầu của Công ty TNHH D2 - IFSS.

- Công ty TNHH W có yêu cầu phản tố như sau:

Công ty TNHH D2 - IFSS đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng, khi không giao đủ số lượng gạo cho Công ty TNHH W theo Đơn đặt hàng. Cụ thể, Công ty TNHH D2 - IFSS chỉ mới giao 124.950 kg trong tổng số 200.000 kg. Công ty TNHH D2 - IFSS vẫn còn 75.050kg gạo chưa giao cho Công ty TNHH W.

Việc vi phạm nghĩa vụ giao hàng của Công ty TNHH D2 - IFSS đã khiến Công ty TNHH W bị thiệt hại. Cụ thể, vào ngày 22 và 28/02/2023, Công ty TNHH W đã phải mua gạo của Công ty TNHH G và Công ty TNHH G1 để thay thế, với giá cao hơn so với giá đã thỏa thuận với Công ty TNHH D2 - IFSS. Vì vậy, Công ty TNHH W có yêu cầu như sau:

- Công ty TNHH W yêu cầu Công ty TNHH D2 - IFSS phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH W số tiền: $99.700.000$ đồng ($600 \text{ kg} \times (16.300 - 15.700) + 50.000 \text{ kg} \times (17.100 - 15.700) + 24.400 \text{ kg} \times (16.900 - 15.700) = 99.700.000$ đồng.)

- Công ty TNHH W yêu cầu Công ty TNHH D2 - IFSS thanh toán khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng là $94.262.800$ đồng ($75.050 \text{ kg} \times 15.700 \text{ đồng/kg} \times 8\% = 94.262.800$ đồng)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH W là ông Nìm Chí T yêu cầu:

- Công ty TNHH W yêu cầu Công ty TNHH D2 - IFSS phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH W số tiền: $97.073.250$ đồng ($600 \text{ kg} \times (16.300 - 15.735) + 50.000 \text{ kg} \times (17.100 - 15.735) + 24.400 \text{ kg} \times (16.900 - 15.735) = 97.073.250$ đồng.)

- Công ty TNHH W yêu cầu Công ty TNHH D2 - IFSS thanh toán khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng là 193.193.940 đồng $((80.000\text{kg} \times 13.950\text{đồng/kg} \times 8\%) + (20.000\text{kg} \times 15.735\text{đồng/kg} \times 3\%) + (75.050\text{kg} \times 15.735\text{đồng/kg} \times 8\%) = 193.193.940 \text{ đồng})$.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu T2 trình bày: Bà Nguyễn Thu T2 thống nhất theo lời trình bày của Luật sư và ông Nguyễn Thành Duy V1. Bà Nguyễn Thu T2 xác định 99.950kg gạo giao ngày 17/01/2023 là đơn hàng NL20220905-01 ngày 27/10/2022.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1 trình bày: Bà Lê Thị T1 thống nhất theo lời trình bày của **ông Nhim Chí T**. Bà Lê Thị T1 xác định 99.950kg gạo giao ngày 17/01/2023 là đơn hàng NL20220905-01 ngày 26/9/2022. Đối với số gạo 600kg với đơn giá 16.300 đồng/kg Công ty Trách nhiệm hữu hạn G có giao cho Công ty TNHH W ngày 03/4/2023 nhưng TNHH W không nhận hàng vì không đảm bảo chất lượng.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điều 34, 300, 301, 302, 303, 304, 305 và 306 của Luật Thương mại 2005; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D2 - IFSS.

Buộc Công ty TNHH W phải thanh toán cho Công ty TNHH D2 - IFSS số tiền là 339.388.900 đồng. Trong đó, tiền hàng chưa thanh toán là 228.250.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 111.138.900 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH W.

Buộc Công ty TNHH D2 - IFSS thanh toán cho Công ty TNHH W tổng số tiền là: 180.836.050 đồng. Trong đó, tiền phạt vi phạm hợp đồng là 83.762.800 đồng, tiền bồi thường thiệt hại là 97.073.250 đồng.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu lãi trên số tiền chậm trả cho bên được thi hành án theo mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời hạn chậm trả.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH W về việc Công ty TNHH W yêu cầu Công ty TNHH D2 - IFSS thanh toán khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền 109.431.140 đồng (193.193.940 đồng – 83.762.800 đồng = 109.431.140.)

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 27/8/2024 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Thành D1 V1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH D2 - IFSS có yêu cầu kháng với nội dung: Kháng cáo phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty TNHH W, không đồng ý bồi thường cho Công ty TNHH W số tiền là 97.073.250 đồng.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 và tại phiên tòa phúc thẩm ông Nhim Chí T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH W yêu cầu kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết: Không đồng ý xác định số lượng gạo 99.950 kg giao ngày 17/01/2023 cho toàn bộ đơn hàng số 2; Không đồng ý thanh toán 228.250.000 đồng cho phí nguyên đơn; Không đồng ý trả lãi 111.138.900 đồng cho phía nguyên đơn; Yêu cầu nguyên đơn trả tiền phạt vi phạm hợp đồng là 193.193.940 đồng và bồi thường thiệt hại là 97.073.250 đồng.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 62/QĐ-VKS –KDTM với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định số gạo giao ngày 17/01/2023 là giao cho đơn hàng số 02, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo Công ty TNHH D2; yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH W, Quyết định kháng nghị số 62/QĐ-VKS-KDTM ngày 05/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước. Đại diện

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo hướng chấp nhận kháng nghị của VKSND huyện Tân Phước và Công ty W, không chấp nhận kháng cáo của Công ty D2.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH D2; yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH W, Quyết định kháng nghị số 62/QĐ-VKS-KDTM ngày 05/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH D2; đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH W trong thời hạn luật định, có hình thức, nội dung và phạm vi kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của BLTTDS năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Giữa Công ty TNHH W (sau đây gọi tắt là Công ty W) và Công ty TNHH D2 (sau đây gọi tắt là Công ty D2) có ký hai hợp đồng mua bán hàng hóa như sau: Hợp đồng số 01/HĐMB/WW-IFSS ngày 20/6/2022, hiệu lực của hợp đồng từ ngày 20/6/2022 đến ngày 31/12/2022 (sau đây gọi tắt là hợp đồng số 01) và Hợp đồng mua bán hàng hóa số 02/HĐMB/WW-IFSS, hiệu lực hợp đồng từ ngày 03/01/2023 đến ngày 31/12/2023 (sau đây gọi tắt là hợp đồng số 02). Theo hợp đồng đã ký, Công ty W đặt mua 02 đơn hàng của Công ty D2 theo đơn đặt hàng số NL20220905-01, ngày 26/9/2022 (sau đây gọi tắt là đơn đặt hàng số 01) và đơn đặt hàng số NL20220905-01, ngày 27/10/2022 (sau đây gọi là đơn đặt hàng số 02) về việc mua bán gạo Nhật. Đối với đơn đặt hàng 01: Số lượng: 100 tấn; Thời gian giao hàng: Ngày 23/11/2022 giao 20 tấn, ngày 01/12/2022 giao 20 tấn, ngày 08/12/2022 giao 20 tấn, ngày 14/12/2022 giao 20 tấn, ngày 18/12/2022 giao 20 tấn; Đơn giá: 13.950 đồng/kg; Tổng giá trị đơn hàng: 1.395.000.000 đồng. Đối với đơn đặt hàng 02: Số lượng: 100 tấn; Thời gian giao hàng như sau: ngày 10/01/2023 giao 20 tấn, ngày 17/01/2023 giao 20 tấn, ngày 08/02/2023 giao 20 tấn, ngày 15/02/2023 giao 20 tấn, ngày 22/02/2023 giao 20 tấn; Đơn giá: 15.735 đồng/kg; Tổng giá trị đơn hàng: 1.573.500.000 đồng.

Sau đó, Công ty D2 đã giao gạo cho Công ty W như sau: Ngày 10/11/2022 giao 20 tấn, Công ty W nhận gạo và đã thanh toán xong; Ngày 28/11/2022 giao 20 tấn nhưng Công ty W không đồng ý nhận vì không đạt chất lượng, Công ty D2 đã nhận lại 20 tấn gạo này; Ngày 31/12/2022 giao 5 tấn gạo; Ngày 17/01/2023 giao 100 tấn gạo, 01 bao bị rách nên bị trả lại 50 kg nên còn lại là 99.950 kg.

Theo Công ty D2 thì 5 tấn gạo giao cho đơn hàng số 01, 99.950 kg gạo giao cho đơn hàng thứ 2, tổng số tiền phải thanh toán là 1.638.965.000 đồng, tuy nhiên đến ngày 27/4/2023 Công ty W chỉ thanh toán 1.410.715.000 đồng nên Công ty D2 yêu cầu Công ty W trả tiền thanh toán thiếu là 284.567.685 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 111.138.900 đồng. Đối với yêu cầu phản tố của Công ty W thì Công ty D2 chỉ đồng ý trả số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 83.762.800 đồng. Công ty D2 căn cứ vào nội dung mail ngày 04/01/2023 trao đổi giữa T1 của Công ty W và T2 của Công ty D2 cho rằng việc giao 99.950 kg gạo vào ngày 17/01/2023 cho đơn hàng thứ hai.

Theo Công ty W thì 5 tấn gạo giao cho đơn hàng 1, còn 99.950 kg gạo giao cho đơn hàng 01 là 75.000 kg, còn lại 24.950 kg thì giao cho đơn hàng thứ 2. Công ty W đã thanh toán 1.392.200.000 đồng cho đơn hàng 01 và 297.515.000 đồng cho đơn hàng thứ 2. Đối với số gạo 24.950kg tương ứng giá trị 391.715.000 đồng nhưng Công ty W căn cứ vào mục 11.2 của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01 để phạt vi phạm hợp đồng đối với Công ty D2 về số gạo giao bị thiếu là 94.200.000 đồng nên công ty W chỉ thanh toán 297.515.000 đồng. Do đó Công ty W đã thanh toán xong cho Công ty D2. Do Công ty D2 giao thiếu 75.050 kg gạo nên Công ty W phải mua gạo nơi khác giá cao hơn so với thỏa thuận mua của Công ty D2, Công ty W phản tố yêu cầu Công ty D2 bồi thường 99.700.000 đồng và trả tiền phạt vi phạm hợp đồng là 94.262.800 đồng. Công ty W không đồng ý nội dung mail ngày 04/01/2023 trao đổi giữa bà T1 của Công ty W và bà T2 của Công ty D2 cho rằng việc giao 99.950 kg gạo vào ngày 17/01/2023 cho đơn hàng thứ hai vì căn cứ vào mục 2.5 mục II của Hợp đồng số 01.

Tòa sơ thẩm xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty D2: Buộc Công ty W trả cho Công ty D2 số tiền chậm thanh toán là 228.250.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 111.138.900 đồng, tổng cộng là 339.388.900 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty W: Buộc Công ty D2 trả cho Công ty W số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 83.762.800 đồng và tiền bồi thường thiệt hại là 97.073.250 đồng, tổng cộng là 180.863.050 đồng.

Sau khi Tòa sơ thẩm xử, Công ty D2, Công ty W không đồng ý nên có đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước có quyết định kháng nghị.

[3] Xét số gạo 99.950 kg gạo giao ngày 17/01/2023 cho đơn hàng số 01 hay đơn hàng số 2:

Tại phiên tòa phúc thẩm giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất đơn hàng số 01 và đơn hàng số 02 đều ký trong năm 2022 là căn cứ vào Hợp đồng số 01.

Công ty D2 căn cứ vào nội dung mail ngày 04/01/2023 để xác định số gạo 99.950 kg gạo giao ngày 17/01/2023 cho đơn hàng số 01 còn Công ty W căn cứ Hợp đồng số 01 để xác định số gạo 99.950 kg gạo giao ngày 17/01/2023 cho đơn hàng số 2.

Nhận thấy tại mục 2.5 phần II Hợp đồng số 01 quy định “Bên B (Công ty D2) không được thay đổi thông tin liên quan của hàng hóa, bao gồm tên hàng hóa, quy cách, đơn giá...Nếu có thay đổi, phải thông cho bên A (Công ty W) bằng văn bản trước 7 ngày và phải được bên A đồng ý”.

Xét thấy, mail ngày 04/01/2023 (Bút lục số 176) là nội dung trao đổi thông tin giữa bà Lê Thị T1 (là nhân viên thu mua công ty W) phản hồi cho bà T2 (là nhân viên thu mua của Công ty D2) không phải là văn bản do người đại diện theo pháp luật của hai Công ty trao đổi với nhau, bà T2 và bà T1 cũng không được hai công ty ủy quyền làm việc về việc mua bán của hai công ty nên không thể xác định là văn bản theo quy định tại mục 2.5 phần II Hợp đồng số 01. Ngoài ra, theo đơn hàng số 01, số lần giao hàng là 5 lần, mỗi lần 20 tấn, thời hạn giao hàng là từ ngày 23/11/2022 đến ngày 18/12/2022; Theo đơn hàng số 02, số lần giao hàng là 5 lần, mỗi lần 20 tấn, thời hạn giao hàng là từ ngày 10/01/2023 đến ngày 22/02/2023 nhưng đến ngày 31/12/2022 Công ty D2 chỉ mới giao cho Công ty W 25 tấn, còn nợ lại 75 tấn, đến ngày 17/01/2023 công ty D2 giao 99.950 kg gạo cho Công ty W là chưa đến thời hạn giao hàng 3 lần còn lại của đơn hàng số 2 theo thỏa thuận của hai bên, sau đó Công ty D2 cũng không tiếp hàng cho Công ty W. Do đó, có căn cứ xác định số gạo 99.950 kg gạo giao ngày 17/01/2023 cho đơn hàng số 1 đối với số hàng còn thiếu là 75.000 kg, còn lại 24.950 kg là giao cho đơn hàng số 2. Tòa sơ thẩm căn cứ vào nội dung mail nêu trên để xác định toàn bộ số gạo 99.950 kg gạo giao ngày 17/01/2023 cho đơn hàng số 2 là không phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Do không xác định nội dung mail nêu trên là văn bản theo quy định trong hợp đồng nên nội dung theo đổi giảm giá từ 15.735 đồng/kg xuống còn 15.700 đồng/kg cũng không đúng mà giá của đơn hàng thứ nhất và đơn hàng thứ

2 phải theo giá thỏa thuận tại đơn đặt hàng số 01 và đơn đặt hàng số 2. Tuy nhiên do phía Công ty D2 đồng ý giảm giá cho Công ty W đối với số gạo giao cho đơn hàng số 2 số tiền là 35 đồng/kg nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy, số tiền mà Công ty W phải có nghĩa vụ thanh toán đối với số gạo 99.950 kg giao ngày 17/01/2023 như sau:

$$75.000 \text{ kg} \times 13.950 \text{ đồng/kg} = 1.046.250.000 \text{ đồng.}$$

$$24.950 \times 15.700 \text{ đồng/kg} = 391.715.000.$$

$$\text{Tổng cộng } 1.437.965.000 \text{ đồng}$$

[4] Đối với số gạo 5000 kg giao ngày 31/12/2022 Công ty D2 xuất hóa đơn 13.950 đồng/kg là đúng với thỏa thuận của hai bên, Công ty W cho rằng Công ty D2 phải xuất hóa đơn 13.915 đồng/kg là không đúng nên không có căn cứ để chấp nhận. Do đó số tiền phải thanh toán cho 5000 kg gạo là 69.750.000 đồng

[5] Như vậy số tiền hàng phải thanh toán cho 5000 kg gạo giao ngày 31/12/2022 và số tiền hàng phải thanh toán cho 99.950 kg gạo giao ngày 17/01/2023 là 1.507.715.000 đồng nhưng Công ty W chỉ thanh toán cho Công ty D2 số tiền là 1.410.715.000 đồng, vậy Công ty W còn phải thanh toán cho Công ty D2 số tiền là 97.000.000 đồng.

[6] Xét tiền lãi chậm chậm thanh toán đối với số gạo 5000 kg giao ngày 31/12/2022, Công ty D2 xuất hóa đơn ngày 31/12/2022 với đơn giá 13.950 đồng/kg, thành tiền là 69.750.000 đồng là đúng với thỏa thuận giữa hai bên. Theo quy định tại điểm 7.2 mục VII của Hợp đồng số 01 Bên A (Công ty W) thanh toán tiền hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng tại kho Want Want với kết quả nghiệm thu hàng hóa đạt yêu cầu. Căn cứ theo điểm 11.4 mục số XI của Hợp đồng số 01 thì lãi chậm trả của Công ty W phải chịu là 0,05% cho một ngày. Như vậy, kể từ ngày 31/12/2022 đến ngày 31/01/2023 Công ty W phải thanh toán cho Công ty D2 số tiền 69.750.000 đồng nhưng đến ngày 27/4/2023 Công ty W mới thanh toán cho Công ty D2 số tiền 1.410.715.000 đồng (trong đó có số tiền 69.750.000 đồng). Do đó phải trừ thời gian 30 ngày cho phía Công ty W., vậy thời gian tính tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 31/01/2022 đến ngày 27/4/2023 là: $69.750.000 \text{ đồng} \times 86 \text{ ngày} \times 0,05\% = 2.999.250 \text{ đồng}.$

Số tiền còn lại 1.340.965.000 đồng sẽ được thanh toán cho số hàng giao ngày 17/01/2023.

Xét số tiền lãi chậm thanh toán cho số gạo giao ngày 17/01/2023 cũng tương tự như cách tính nêu trên, số tiền lãi sẽ được tính từ ngày 17/02/2023 đến ngày 27/4/2023 là: $1.340.965.000 \text{ đồng} \times 69 \text{ ngày} \times 0,05\% = 46.263.292 \text{ đồng}$.

Xét số tiền lãi đối với số tiền 97.000.000 đồng, tính từ ngày 17/02/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/8/2024 là 542 ngày là $97.000.000 \text{ đồng} \times 542 \text{ ngày} \times 0,05\% = 26.287.000 \text{ đồng}$.

Như vậy số tổng số tiền lãi Công ty W phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty D2 là: 75.549.542 đồng.

[8] Xét yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng của Công ty W:

Căn cứ theo mục 11.2 phần thứ XI của Hợp đồng số 01 quy định: “*Nếu bên B giao hàng không đúng thời hạn theo yêu cầu của bên A hoặc đơn đặt hàng đã được thỏa thuận bởi hai bên. Bên B sẽ thanh toán cho bên A khoản tiền phạt là 0,5% giá trị đơn hàng bị vi phạm cho mỗi ngày chậm trễ, tổng giá trị phạt không quá 08% giá trị đơn hàng bị vi phạm. Nếu trễ quá 7 ngày, bên A có quyền hủy đơn đặt hàng và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật hoặc theo thỏa thuận và thống nhất của hai bên*”

Đối với đơn hàng 1, căn cứ ngày giao hàng theo đơn đặt hàng là ngày 01/12/2022 vậy đối với 5000 kg giao ngày 31/12/2022 thì giao trễ 30 ngày 5000 kg và 15.000 kg giao trễ 47 ngày, tỉ lệ phạt theo hợp đồng là 8%, đơn giá là 13.950 đồng/kg, tiền phạt là 22.320.000 đồng.

Các ngày giao hàng trên đơn đặt hàng còn lại là ngày 08/12/2022 giao 20 tấn, ngày 14/12/2022 giao 20 tấn, ngày 18/12/2022 giao 20 tấn nhưng đến ngày 17/01/2023 Công ty D2 mới giao hàng nên đã giao trễ so với các ngày giao hàng đã thỏa thuận nêu trên là 40 ngày, 34 ngày và 30 ngày, với cách tính tỉ lệ phạt như đã nêu trên thì số tiền đơn đặt hàng bị vi phạm là 1.276.000.000, tỉ lệ phạt 8% là 89.280.000 đồng.

Đối với đơn đặt hàng số 2 các ngày giao hàng là 10/01/2023, ngày 17/01/2023, ngày 08/02/2023, ngày 15/02/2023, ngày 22/02/2023 nhưng Công ty D2 chỉ giao cho Công ty W 24.950 kg vào ngày 17/01/2023, vậy lần đầu Công ty D2 giao trễ 6 ngày, số hàng còn lại 75.050 kg chưa giao cho Công ty W. Do hai bên thống nhất giá giao hàng lần hai là 15.700 đồng/kg nên số tiền đơn đặt hàng bị vi phạm. Nhận thấy, đối với số hàng giao ngày 10/01/2023 giao trễ 6 ngày nên tính 0,5% trên số ngày bị vi phạm đồng, tiền phạt là 9.429.000 đồng. Đối với số hàng còn lại 75.050 kg chưa giao tính 8%, tiền phạt là 94.262.800 đồng.

Tổng cộng tiền phạt là 192.971.800 đồng.

[9] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty W:

Căn cứ tại mục 12.1.5 phần XII của Hợp đồng số 01 quy định: “*Bên B (Công ty D2) xảy ra các trường hợp quy định hợp đồng này Bên A (Công ty W) có quyền hủy bỏ hoặc chấm dứt hợp đồng*”. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T là người đại diện theo ủy quyền của Công ty W trình bày Công ty W không có hủy bỏ hoặc chấm dứt hợp đồng với công ty D2.

Căn cứ vào mục 11.2 và mục 12.1.5 nêu trên thì bên Công ty D2 giao hàng trễ thì Công ty W có quyền hủy bỏ hoặc chấm dứt hợp đồng với Công ty D2 thì mới có quyền yêu cầu Công ty D2 bồi thường thiệt hại, tuy nhiên Công ty W không có hủy bỏ hợp đồng với Công ty D2 nên việc Công ty W yêu cầu Công ty D2 bồi thường số tiền 99.073.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

[10] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty D2: Công ty D2 kháng cáo không đồng ý bồi thường thiệt hại cho Công ty W là có căn cứ pháp luật như đã nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty D2.

[11] Xét bốn yêu cầu kháng cáo của Công ty W:

11.1 Công ty W cho rằng Tòa sơ thẩm xác định số lượng gạo 99,95 tấn giao ngày 17/01/2023 là giao cho đơn hàng số 2 và áp dụng đơn giá của đơn hàng số 2 là không đúng:

Như đã phân tích tại mục số [3] nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo này của Công ty W.

11.2 Công ty W kháng cáo cho rằng Tòa sơ thẩm buộc Công ty W thanh toán tiền hàng 228.250.000 đồng là không có căn cứ:

Như đã phân tích tại mục [5] Công ty W phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty D2 số tiền mua hàng là 97.000.000 đồng. Như vậy Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo này của Công ty W.

11.3 Công ty W kháng cáo cho rằng Tòa sơ thẩm buộc Công ty W thanh toán tiền lãi 111.138.900 là không có căn cứ:

Như đã phân tích tại mục [6] tổng số tiền lãi Công ty W phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty D2 là: 75.549.542 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo này của Công ty W.

11.4 Công ty W kháng cáo về việc phạt vi phạm hợp đồng: Công ty W yêu cầu Công ty D2 trả số tiền phạt hợp đồng là 193.193.940 đồng:

Như đã phân tích tại mục [8] Công ty D2 có nghĩa vụ trả cho Công ty W số tiền phạt tổng cộng là 192.971.800 đồng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo này của Công ty W.

11.4 Công ty W kháng cáo đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền là 97.073.250 đồng:

Như đã phân tích tại mục [9] nhận thấy Công ty W yêu cầu Công ty D2 bồi thường số tiền 99.073.250 đồng là không có cơ sở để chấp nhận nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của Công ty W.

[12] Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D2 - IFSS: Buộc Công ty TNHH W phải thanh toán cho Công ty TNHH D2 - IFSS số tiền là 339.388.900 đồng. Trong đó, tiền hàng chưa thanh toán là 228.250.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 111.138.900 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH W: Buộc Công ty TNHH D2 - IFSS thanh toán cho Công ty TNHH W tổng số tiền là: 180.836.050 đồng. Trong đó, tiền phạt vi phạm hợp đồng là 83.762.800 đồng, tiền bồi thường thiệt hại là 97.073.250 đồng. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH W về việc Công ty TNHH W yêu cầu Công ty TNHH D2 - IFSS thanh toán khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền 109.431.140 đồng ($193.193.940 \text{ đồng} - 83.762.800 \text{ đồng} = 109.431.140 \text{ đồng}$) là không phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm như đã phân tích nêu trên.

[13] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty D2 là không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Xét Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với một phần nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[15] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

15.1 Công ty IFSS phải chịu án phí đối với số tiền hàng và tiền lãi yêu cầu Công ty W phải trả không được chấp nhận là: 166.839.350 nên Công ty D2 phải chịu án phí đối với yêu cầu bị bác là 8.341.967 đồng.

Đối với số tiền phạt Công ty D2 phải trả cho Công ty W là 192.971.800 đồng nên Công ty D2 phải chịu án phí đối với phần này là: 9.648.590 đồng.

Tổng cộng Công ty D2 phải chịu án phí là: 17.990.557 đồng.

15.2 Công ty W có nghĩa vụ trả cho Công ty IFSS các khoản như sau: Số tiền hàng: 97.000.000 đồng; Số tiền lãi 75.549.542 đồng; Tổng cộng 172.549.542 đồng nên án phí phải chịu đối với phần này là 8.627.477 đồng.

Phần yêu cầu bồi thường Công ty W không được chấp nhận là: là 97.295.390 đồng nên phải chịu án phí đối với phần này là 4.864.769 đồng.

Tổng cộng án phí Công ty W phải chịu là: 13.492.264 đồng.

Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313, và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Chấp nhận một phần Quyết định Kháng nghị 62/QĐ-VKS-KDTM ngày 05/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH D2 - IFSS.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH W

- Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các Điều 34, 300, 301, 302, 303, 304, 305 và 306 của Luật thương mại 2005;

Căn cứ khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D2 - IFSS.

- Buộc Công ty TNHH W phải thanh toán cho Công ty TNHH D2 - IFSS số tiền hàng chưa thanh toán là 97.000.000 đồng,

- Buộc Công ty TNHH W trả tiền lãi chậm thanh toán cho Công ty TNHH D2 - IFSS số tiền là 75.549.542 đồng.

Tổng cộng Công ty TNHH W trả cho Công ty TNHH D2 - IFSS số tiền là: 172.549.542 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH W.

Buộc Công ty TNHH D2 - IFSS trả số tiền phạt vi phạm hợp đồng cho Công ty TNHH W số tiền là: 192.971.800 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH W yêu cầu Công ty TNHH D2 - IFSS trả số bồi thường thiệt hại là 99.700.000 đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí:

Công ty D2 - IFSS phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 17.990.557 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.676.000 đồng theo biên lai thu số 0003031 ngày 08/11/2023 và 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003526 ngày 27/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước nên còn phải nộp tiếp số tiền là 8.314.557 đồng.

Công ty TNHH W phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 13.492.264 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.494.070 theo biên lai thu số 0003146 ngày 15/01/2024; 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003523 ngày 26/8/2024; 1.700.000 đồng theo biên lai thu số 0003527 ngày 30/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước nên còn phải nộp tiếp số tiền là 8.998.194 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Đoàn

